

CTY CP ĐT HẠ TẦNG KỸ THUẬT TP.HCM

50 Tôn Thất Đạm, Quận 1, TP.HCM

Mẫu số B 02a - DN/HN

(Ban hành theo QĐ 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006 và sửa đổi, bổ sung theo TT 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Từ 01/01/2012 đến 30/09/2012

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	89.946.909.297	53.610.676.988	188.582.779.351	147.459.408.639
2. Các khoản giảm trừ	2	113.950.000	0	113.950.000	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	89.832.959.297	53.610.676.988	188.468.829.351	147.459.408.639
4. Giá vốn hàng bán	11	41.547.913.910	7.830.571.827	57.660.271.561	23.513.041.235
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20	48.285.045.387	45.780.105.161	130.808.557.790	123.946.367.404
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	305.101.292.005	110.473.336.281	554.855.293.128	322.095.369.955
7. Chi phí tài chính	22	74.236.653.934	17.362.049.908	132.440.890.400	259.187.408.876
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23	22.874.370.037	42.569.049.489	88.590.112.033	115.830.469.016
8. Chi phí bán hàng	24	25.958.861.197	24.059.310.676	76.741.673.799	74.268.471.162
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	15.091.513.569	2.802.606.433	24.603.541.927	11.089.117.749
10. Lợi nhuận thuần từ HĐ kinh doanh[30=20+(21-22)-(24+25)]	30	238.099.308.692	112.029.474.425	451.877.744.792	101.496.739.572

Chỉ tiêu	Mã số	Quý 3		Lũy kế từ 01/01 đến 30/09	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	4	5	6	7
11. Thu nhập khác	31	2.854.367.273	1.970.563.825	3.768.406.861	2.075.171.091
12. Chi phí khác	32	2.047.169.290	3.783.462	3.046.419.712	15.612.616
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	807.197.983	1.966.780.363	721.987.149	2.059.558.475
14 Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45	2.656.574.024	7.399.343.829	26.242.058.892	10.502.293.911
15. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40+45)	50	241.563.080.699	121.395.598.617	478.841.790.833	114.058.591.958
16. Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	36.574.043.343	1.645.638.392	50.228.978.825	1.645.638.392
17. Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	0	0	0	0
18 Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60	204.989.037.356	119.749.960.225	428.612.812.008	112.412.953.566
19 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61	17.262.636.785	17.558.795.944	69.425.561.514	-18.236.303.623
20 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của Công ty mẹ	62	187.726.400.571	102.191.164.281	359.187.250.494	130.649.257.189
21 Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	2.263	1.360	4.619	1.739

Kế toán trưởng

nguyên

NG.T.MAI HƯƠNG

TP. HCM, ngày 14 tháng 11 năm 2012



Tổng Giám đốc

LÊ QUỐC BÌNH